

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Hồng Long	Chủ tịch
2. Ông Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch
3. Ông Phạm Hồng Hải	Ủy viên
4. Ông Lưu Quang Minh	Ủy viên
5. Bà Lương Thị Anh Hà	Ủy viên
6. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên

Ban Giám đốc

1. Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám đốc	
2. Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	
3. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
4. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	
5. Bà Phạm Thị Hà Thương	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 04/05/2010
6. Ông Hoàng Văn Diện	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 04/05/2010

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo đúng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đinh Hồng Long

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 02 tháng 04 năm 2011, trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến trên mà chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất như sau: Như đã nêu tại thuyết minh số 11 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, giá trị các khoản đầu tư dài hạn bao gồm đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo giá gốc.

Nguyễn Tự Trung

Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1226/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2011

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		472.728.287.587	145.968.998.624
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	 5	108.987.752.974	7.817.170.739
Tiền	111		28.987.752.974	7.817.170.739
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	 6	70.242.679.019	20.640.953.003
Đầu tư ngắn hạn	121		72.459.028.023	22.879.991.670
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.216.349.004)	(2.239.038.667)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		256.694.981.905	34.861.734.337
Phải thu khách hàng	131		8.619.436.110	3.995.856.498
Trả trước cho người bán	132		199.459.463.635	13.843.625.591
Các khoản phải thu khác	135	 7	48.665.957.751	17.072.127.839
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(49.875.591)	(49.875.591)
Hàng tồn kho	140		2.330.677.498	50.907.308.140
Hàng tồn kho	141	 8	2.330.677.498	50.907.308.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		34.472.196.191	31.741.832.405
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		142.631.583	3.299.694.518
Thuế GTGT được khấu trừ	152		644.608.687	2.484.175.823
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	265.968.968
Tài sản ngắn hạn khác	158	 9	33.684.955.921	25.691.993.096
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		118.070.719.537	66.724.931.047
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		4.542.197.755	4.668.341.123
Tài sản cố định hữu hình	221	 10	4.542.197.755	4.668.341.123
- Nguyên giá	222		5.794.120.480	5.752.094.871
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.251.922.725)	(1.083.753.748)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		111.367.350.000	60.519.127.116
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	550.000.000	4.445.777.116
Đầu tư dài hạn khác	258	 11	110.817.350.000	56.669.350.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(596.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		2.161.171.782	1.537.462.808
Chi phí trả trước dài hạn	261		725.613.402	533.157.252
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		435.558.380	-
Tài sản dài hạn khác	268		1.000.000.000	1.004.305.556
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		590.799.007.124	212.693.929.671

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		227.558.628.570	116.275.838.945
Nợ ngắn hạn	310		227.558.628.570	116.275.838.945
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	136.519.823.590	62.820.443.031
Phải trả người bán	312		413.535.437	2.577.943.736
Người mua trả tiền trước	313		12.704.434.670	16.360.952.430
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	15.505.512.403	11.030.080
Phải trả người lao động	315		-	63.300.000
Chi phí phải trả	316		1.943.846.164	940.757.102
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	60.187.017.368	33.604.876.999
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành	323		284.458.938	(103.464.433)
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	363.240.378.554	96.418.090.726
Vốn chủ sở hữu	410		363.240.378.554	96.418.090.726
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324.533.600.000	87.020.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.836.524.364	504.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(12.501.070.000)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(238.601.444)
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.209.778.494	227.058.494
Quỹ dự phòng tài chính	418		604.889.247	113.529.247
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.556.656.449	8.792.104.429
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		590.799.007.124	212.693.929.671

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại (USD)			44.012,81	59.414,99

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2011

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	486.242.972.973	229.688.040.494
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	8.487.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	486.242.972.973	229.679.553.494
Giá vốn hàng bán	11	18	404.555.757.040	213.766.662.712
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.687.215.933	15.912.890.782
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	63.805.771.786	20.463.514.400
Chi phí tài chính	22	20	70.260.204.057	14.773.008.747
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.786.999.524	3.518.233.647
Chi phí bán hàng	24	21	24.813.102.066	2.850.661.685
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	7.006.779.388	5.811.874.073
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.412.902.208	12.940.860.677
Thu nhập khác	31		318.113.422	-
Chi phí khác	32		83.545.471	-
Lợi nhuận khác	40		234.567.951	-
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	50		-	11.777.116
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		43.647.470.159	12.952.637.793
Thuế thu nhập doanh nghiệp	70	23	10.513.083.333	2.019.825.011
Chi phí thuế TNDN hiện hành	71		10.948.641.713	2.019.825.011
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	72		(435.558.380)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	80		33.134.386.826	10.932.812.782
Lợi ích của cổ đông thiểu số	81		-	-
Lợi ích của cổ đông Công ty	82		33.134.386.826	10.932.812.782
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	90	24	2.002	1.290

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2011

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		652.761.751.461	243.307.660.437
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(641.362.773.164)	(231.437.511.379)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.978.393.022)	(2.714.565.730)
Tiền chi trả lãi vay	04		(11.593.274.342)	(4.156.746.551)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(554.869.683)	(165.530.544)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.691.625.868	217.936.928
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(40.434.417.867)	(52.177.398.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(31.470.350.749)	(47.126.155.021)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(936.925.818)	(3.149.961.875)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		272.727.273	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(1.320.153.846.518)	(149.751.910.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.195.800.831.557	144.169.813.676
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(56.477.950.000)	(2.535.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.808.510.000	400.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.448.013.461	19.695.830.332
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(168.238.640.045)	8.828.772.133
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		262.058.488.000	2.000.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(12.501.070.000)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		974.984.901.375	385.259.588.295
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(908.750.131.127)	(351.704.677.407)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.912.615.219)	(2.035.659.816)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		300.879.573.029	33.519.251.072
Lưu chuyển tiền thuần trong năm			101.170.582.235	(4.778.131.816)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	7.817.170.739	12.622.827.216
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(27.524.661)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	108.987.752.974	7.817.170.739

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2011

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007, và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 9 ngày 01/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐTBOXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 Tòa nhà Viglacera, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9, vốn điều lệ của Công ty là 324.533,6 triệu đồng Việt Nam, chia thành 32.453.360 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong năm 2010, Công ty thực hiện mua lại 810.000 cổ phiếu quỹ. Số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2010 của Công ty là 31.643.360 cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SHN (ngày chào sàn: 16/12/2009).

Tổng số nhân viên của Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 70 người (năm 2009: 116 người)

1.2 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đầu tư vào công ty con, nắm quyền kiểm soát công ty này trong việc ra các quyết định tài chính và quyết định kinh doanh. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty mẹ con do Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội giữ vai trò là Công ty mẹ.

Tại ngày 31/12/2010, Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty là:

	31/12/2010	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	VND	(%)	(%)
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	100%	100%
Địa chỉ: Nhà Vườn NB42 KĐT Trung hòa Nhân Chính - Hà Nội				
Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô; buôn bán nông lâm sản, nguyên liệu và động vật sống.				
Tổng	2.000.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty mẹ bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Tư vấn đầu tư tài chính;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại;
- và các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty con bao gồm:

- Vận tải hành khách, vận chuyển hàng hóa bằng ô tô theo chuyến, theo hợp đồng cố định;
- Kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải đường sắt ;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Buôn bán đường sữa, và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Buôn bán đồ uống không có cồn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Công ty con do Công ty nắm giữ quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh nhằm đảm bảo để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là phù hợp và nhất quán.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại trừ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu và nợ phải trả trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối năm. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản**Thời gian sử dụng (năm)**

Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn

6 - 10

Thiết bị văn phòng

3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn bao gồm đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính dài hạn khác được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại ngày này. Theo đó, dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường tại ngày lập báo cáo thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ kế toán. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi tổ chức này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỉ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

3.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chia cổ tức.

3.10 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Thông tư 201 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các khoản mục tiền tệ đánh giá tại ngày 31/12/2010 không đáng kể.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Các khoản vay của Công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán, giao dịch được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.13 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Năm 2010		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hàng hóa Việt Nam	Công ty mẹ	Loại trừ	Tổng cộng
		VND	VND	VND	VND
-	Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	4.576.621.680	481.666.351.293	-	486.242.972.973
-	Tổng doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu theo bộ phận		4.576.621.680	481.666.351.293	-	486.242.972.973
Chi phí theo bộ phận					
-	Chi phí phân bổ trực tiếp	4.713.132.203	431.662.506.291	-	436.375.638.494
Kết quả hoạt động theo bộ phận		(136.510.523)	50.003.845.002	-	49.867.334.479
-	Thu nhập / (Chi phí) tài chính	(1.605.722.997)	(4.848.709.274)	-	(6.454.432.271)
-	Thu nhập / (Chi phí) khác	-	234.567.951	-	234.567.951
-	Lãi / (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế		(1.742.233.520)	45.389.703.679	-	43.647.470.159
Tài sản					
-	Tài sản ngắn hạn	14.144.990.046	471.282.095.741	(12.698.798.200)	472.728.287.587
-	Tài sản cố định hữu hình	-	4.542.197.755	-	4.542.197.755
-	Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
-	Tài sản dài hạn khác	-	115.092.963.402	(1.564.441.620)	113.528.521.782
Tổng tài sản		14.144.990.046	590.917.256.898	(14.263.239.820)	590.799.007.124
Nợ phải trả					
-	Nợ ngắn hạn	13.871.764.804	226.385.661.966	(12.698.798.200)	227.558.628.570
-	Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng Nợ phải trả		13.871.764.804	226.385.661.966	(12.698.798.200)	227.558.628.570
-	Chi phí vốn				-
Nguồn vốn		273.225.242	364.531.594.932	(1.564.441.620)	363.240.378.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	651.441.245	630.339.454
Tiền gửi ngân hàng	28.336.311.729	7.186.831.285
Các khoản tương đương tiền (*)	80.000.000.000	-
	108.987.752.974	7.817.170.739

(*) Là các khoản tiền gửi có thời hạn xác định dưới 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		31/12/2010		01/01/2010
	CP	VND	CP	VND
- Cổ phiếu Đầu tư ngắn hạn	1.426.517	26.157.346.525	433.357	15.918.675.224
Cổ phiếu niêm yết				
Ngân hàng TMCP Á Châu	70.057	1.895.562.430	-	-
Công ty CP Xây lắp dầu khí	60.065	1.321.397.676	-	-
Công ty CP vật liệu xây dựng Đà Nẵng	42.660	649.387.767	-	-
Công ty CP Cơ điện và XD Việt Nam	90.000	1.529.100.000	-	-
Công ty CP Sông Đà 3	70.400	1.189.834.320	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	50.000	580.000.000	-	-
Công ty CP Thép Việt Ý	45.000	1.823.868.000	-	-
Công ty CP ĐT Hạ tầng & Đô thị Dầu khí	171.000	2.038.500.000	-	-
Công ty CP SIMCO Sông Đà	20.000	462.266.667	-	-
Công ty CP KD khí hoá lỏng Miền Bắc	204.500	3.056.423.304	-	-
Công ty CP Sông Đà 704	25.000	534.642.857	-	-
Công ty CP Sông Đà 6	50.000	1.121.068.572	-	-
Công ty CP Sông Đà 9	30.000	760.525.714	-	-
Công ty CP TM dầu khí Sông Đà	50.000	1.119.800.000	-	-
Quỹ đầu tư CK Việt Nam	100.000	1.179.983.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	65.000	937.828.571	-	-
Công ty CP Sông Đà 1	46.900	1.017.079.252	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	25.000	525.944.201	-	-
Công ty CP bánh kẹo Hải Hà	21.000	554.380.000	-	-
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Thăng Long	40.000	816.769.999	-	-
Công ty CP TASCO	-	-	110.800	3.518.571.092
Công ty CP XNK và XD Việt Nam	-	-	45.400	3.039.455.039
Công ty CP Nông dược HAI	-	-	65.200	2.974.698.569
Công ty CP Nông sản Bắc Ninh	-	-	36.000	1.511.295.652
Công ty CP Xi măng Sông Đà	-	-	51.100	1.257.880.000
Công ty CP Sông Đà 25	-	-	31.600	876.820.000
Công ty CP Xây dựng số 7	-	-	10.000	525.777.778
Các cổ phiếu niêm yết khác	149.935	3.042.984.195	83.257	2.214.177.094
- Đầu tư ngắn hạn khác		46.301.681.498		6.961.316.446
Cho cá nhân và tổ chức kinh tế vay (*)		46.180.826.498		6.961.316.446
Thẻ Golf		120.855.000		-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.216.349.004)		(2.239.038.667)
Cổ phiếu niêm yết		(2.216.349.004)		(2.239.038.667)
		70.242.679.019		20.640.953.003

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

(*): Giá trị đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu là các khoản Công ty cho các cá nhân vay lại theo quy chế của Hội đồng Quản trị về việc huy động vốn nhân rồi của các thành viên trong Công ty và các tổ chức hoặc cá nhân ngoài xã hội. Theo quy chế này, các cá nhân có tài sản cho Công ty mượn làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng thì được vay lại tối đa 65% số tiền mà Công ty được vay với lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu tiền bán chứng khoán	45.126.461.762	7.473.842.395
Phải thu về tiền đặt cọc mua chứng khoán	-	3.499.200.000
Ứng tiền góp vốn đầu tư bất động sản	2.520.000.000	-
Lãi phải trả hợp đồng Repo chứng khoán	22.664.889	-
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	481.675.000	1.187.350.000
Tiền lãi vay phải thu	515.156.100	522.248.453
Ứng trước tiền của các hợp đồng vay tài sản	-	4.382.400.000
Phải thu khác	-	7.086.991
	48.665.957.751	17.072.127.839

(*) Số phải thu Công ty Cổ phần Cơ điện và Công trình về lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh theo đồng hợp tác liên doanh ngày 22/01/2008 (Xem thêm thuyết minh số 10).

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	2.327.454.674	3.857.493.144
Hàng hoá	3.222.824	47.049.814.996
Giá trị gốc của hàng tồn kho	2.330.677.498	50.907.308.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	17.092.983.921	8.853.583.096
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.591.972.000	16.838.410.000
- Ký quỹ bằng tiền	8.451.972.000	9.276.910.000
<i>Công ty Cổ phần chứng khoán MHB</i>	3.964.260.000	-
<i>Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam</i>	3.746.982.000	3.676.910.000
<i>Công ty CP chứng khoán Nhật Bản</i>	740.730.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc</i>	-	5.000.000.000
<i>Ngân hàng Vietcombank- CN Thành Công</i>	-	600.000.000
- Cầm cố, ký quỹ bằng chứng khoán	8.140.000.000	7.561.500.000
<i>Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt nam</i>	-	7.561.500.000
<i>Tổng công ty CP bảo hiểm dầu khí Việt Nam</i>	8.140.000.000	-
	33.684.955.921	25.691.993.096

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2010	5.572.093.977	180.000.894	5.752.094.871
Tăng trong năm	947.425.818	32.400.000	979.825.818
- <i>Tăng do mua mới</i>	947.425.818	32.400.000	979.825.818
Giảm trong năm	937.800.209	-	937.800.209
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	425.169.559	-	425.169.559
- <i>Giảm do góp vốn</i>	512.630.650	-	512.630.650
31/12/2010	5.581.719.586	212.400.894	5.794.120.480
HAO MÒN LUYẾT			
01/01/2010	1.011.420.445	72.333.303	1.083.753.748
Khấu hao trong năm	695.107.399	56.978.606	752.086.005
- <i>Trích khấu hao trong năm</i>	695.107.399	56.978.606	752.086.005
Giảm trong năm	583.917.028	-	583.917.028
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	407.700.229	-	407.700.229
- <i>Giảm do góp vốn</i>	176.216.799	-	176.216.799
31/12/2010	1.122.610.816	129.311.909	1.251.922.725
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2010	4.560.673.532	107.667.591	4.668.341.123
31/12/2010	4.459.108.770	83.088.985	4.542.197.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Đầu tư liên doanh:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư khoản đầu tư vào hoạt động liên doanh là 550.000.000 đồng.

Hợp đồng hợp tác liên doanh được ký ngày 22/01/2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (Bên B) với Công ty Cổ phần Điện cơ và Công trình (Bên A) với nội dung: “Đầu tư góp vốn liên doanh cung cấp đệm vi sinh cho các trạm xử lý nước thải Bệnh viện trong năm 2008”. Tổng giá trị hợp đồng là 1.050.000.000 đồng. Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Bên B chuyển cho Bên A số tiền là 50% giá trị hợp đồng để sản xuất đệm vi sinh và khi có đơn vị vào thi công trạm xử lý nước thải, Bên B chuyển tiếp 50% số tiền còn lại cho Bên A để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất.

Lợi nhuận của dự án được phân chia như sau: Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ về tài chính theo quy định (trừ chi phí thuế phải nộp cho Nhà nước, tiền lãi vay 1,5%/tháng phải trả cho Bên B, phí quản lý 2% phải trả cho Bên A), lợi nhuận còn lại được phân chia theo tỷ lệ 50/50 cho mỗi bên góp vốn. Đến ngày 31/12/2010 số tiền Bên A phải trả Bên B bao gồm:

- Vốn góp của Bên B vào Bên A: 550.000.000 đồng
- Tiền lãi vay phát sinh Bên A phải trả Bên B: 481.675.000 đồng.

Theo Phụ lục Hợp đồng số 04/HANIC - CĐ ký ngày 01/04/2010 và Phụ lục số 05/HANIC - CĐ ký ngày 30/07/2010, hai Bên tiếp tục gia hạn hợp đồng liên doanh đến ngày 31/03/2011 với các điều kiện khác trong hợp đồng liên doanh không thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

		31/12/2010		01/01/2010
	CP	VND	CP	VND
- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	2.195.035	29.700.350.000	929.035	15.319.350.000
<u>Cổ phiếu niêm yết</u>	-	-	60.000	1.100.000.000
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	-	-	60.000	1.100.000.000
<u>Cổ phiếu chưa niêm yết</u>	2.195.035	29.700.350.000	869.035	14.219.350.000
+ Công ty CP PV INCONESS	789.035	11.739.350.000	789.035	11.739.350.000
+ Quyền mua cổ phiếu của Công ty CP chứng khoán TM & CN Việt Nam	-	-	-	-
+ Công ty CP Chứng khoán Hà nội	60.000	2.100.000.000	60.000	2.100.000.000
+ Công ty CP phát triển hạ tầng Hà Nội	978.000	9.780.000.000	-	-
+ Công ty CP Đầu tư Tài chính Findex	148.000	1.776.000.000	-	-
+ Tổng công ty cổ phần Điện tử tin học	20.000	380.000.000	20.000	380.000.000
+ Công ty Cổ phần FLC	150.000	3.000.000.000	-	-
+ Công ty CP Thiết bị phụ tùng Sài Gòn	50.000	925.000.000	-	-
- Đầu tư dài hạn khác		81.117.000.000		41.350.000.000
+ Dự án khu nhà ở văn phòng Tây Mỗ		25.000.000.000		25.000.000.000
+ Dự án toà nhà văn phòng và khu chung cư cao cấp Mỹ Đình		5.067.000.000		6.655.000.000
+ Dự án Khu biệt thự Quang Hương		800.000.000		800.000.000
+ Công ty CP Thủy điện Đăkpru HANIC		3.900.000.000		1.680.000.000
+ Công ty CP XNK Bắc Kạn		-		1.365.000.000
+ Công ty CP Xuân Minh SD Thanh Hoa		5.850.000.000		5.850.000.000
+ Dự án Trạm thu phí Hoàng Mai		15.500.000.000		-
+ Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm CN Diềm Thụy		25.000.000.000		-
		110.817.350.000		56.669.350.000

Ghi chú: Khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Long Biên	8.315.428.190	9.789.047.824
Ngân hàng Habubank - Chi nhánh Hàng Trống	-	34.784.495.207
Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Thành công	-	2.192.400.000
Ngân hàng Techcombank - Hội sở	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	6.699.000.000	7.456.100.000
Công ty Cổ phần chứng khoán MHB	2.412.100.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà nội	3.859.970.400	-
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Đông Đô	50.000.000.000	-
Vay các cá nhân	15.233.325.000	8.598.400.000
	136.519.823.590	62.820.443.031

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.913.306.492	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.413.229.827	3.279.131
Thuế thu nhập cá nhân	178.976.084	7.750.949
	15.505.512.403	11.030.080

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Quản lý quỹ Dầu khí toàn cầu (1)	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán MHB-Hà Nội (3)	5.719.327.862	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long (3)	29.520.000	1.115.400.000
Tổng công ty CP bảo hiểm dầu khí Việt Nam	3.514.720.000	-
Công ty CP chứng khoán Nhật Bản	742.211.460	-
Công ty CP phát triển hạ tầng Hà nội (2)	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam (3)	13.851.828.505	2.232.118.000
Ông Đỗ Trung Thiện	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ tức phải trả cổ đông	40.569.376	124.289.207
Phải trả các hợp đồng mua chứng khoán có kỳ	-	3.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	288.840.165	333.069.792
	60.187.017.368	33.604.876.999

Ghi chú:

(1) Công ty Quản lý Quỹ Dầu khí toàn cầu chuyển cho Công ty 24 tỷ đồng theo Hợp đồng số 01/HANIC-GP.FUND FUND và Biên bản thống nhất ngày 16/05/2009 giữa Công ty và Công ty quản lý quỹ dầu khí toàn cầu (GP.FUND) về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tham gia góp 15% vốn đầu tư dự án Tây Mỗ.

(2) Số tiền Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội chuyển theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền tham gia dự án Trung tâm Thương mại dịch vụ và nhà ở Vạn Minh.

(3) Số phải trả về tiền hợp tác đầu tư chứng khoán theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

		31/12/2010		01/01/2010
	'000VND	CP	'000VND	CP
Vốn góp của cổ đông sáng lập	20.652.400	2.065.240	24.900.000	2.490.000
Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ DN và Tư vấn Đầu tư	-	-	1.000.000	100.000
Công ty CP Sông Đà 12	-	-	1.000.000	100.000
Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà	27.600	2.760	1.000.000	100.000
Ông Đinh Hồng Long	10.000.000	1.000.000	7.000.000	700.000
Ông Đào Mạnh Kháng	3.400.800	340.080	2.800.000	280.000
Ông Phạm Hồng Hải	1.300.000	130.000	2.000.000	200.000
Bà Lương Thị Anh Hà	1.270.000	127.000	1.500.000	150.000
Ông Lưu Quang Minh	2.304.000	230.400	2.000.000	200.000
Ông Nguyễn Thanh Sơn	2.000.000	200.000	2.500.000	250.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	350.000	35.000	700.000	70.000
Cổ đông sáng lập khác	-	-	3.400.000	340.000
Vốn góp của cổ đông khác	303.881.200	30.388.120	62.120.000	6.212.000
	324.533.600	32.453.360	87.020.000	8.702.000

Trong năm 2010, Công ty tiến hành mua lại 810.000 cổ phiếu quỹ. Số cổ phiếu của Công ty lưu hành tại ngày 31/12/2010 là 31.643.360 cổ phiếu.

16.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	87.020.000.000	80.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	237.513.600.000	7.020.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	324.533.600.000	87.020.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	14.793.400.000	2.340.000.000

16.3 CỔ TỨC

	Năm 2010	Năm 2009
Cổ tức theo kế hoạch	15%	10%
+ Cổ tức năm 2010 tạm chia	10%	3%
+ Số còn lại cổ tức năm 2009 chia trong năm	7%	0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2010	01/01/2010
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.453.360	8.702.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.453.360	8.702.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.453.360</i>	<i>8.702.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	810.000	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>810.000</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.643.360	8.702.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>31.643.360</i>	<i>8.702.000</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	810.000	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**16.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (3)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2009	80.000.000.000	7.524.000.000	-	(2.000.000.000)	227.058.494	113.529.247	264.261.647	86.128.849.388
Tăng vốn năm	7.020.000.000	(7.020.000.000)	-	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000
Lợi nhuận năm	-	-	-	-	-	-	10.932.812.782	10.932.812.782
Chia cổ tức năm	-	-	-	-	-	-	(2.340.000.000)	(2.340.000.000)
Giảm khác	-	-	(238.601.444)	-	-	-	(64.970.000)	(303.571.444)
31/12/2009	87.020.000.000	504.000.000	(238.601.444)	-	227.058.494	113.529.247	8.792.104.429	96.418.090.726
01/01/2010	87.020.000.000	504.000.000	(238.601.444)	-	227.058.494	113.529.247	8.792.104.429	96.418.090.726
Tăng vốn trong năm	237.513.600.000	24.332.524.364	-	(12.501.070.000)	-	-	-	249.345.054.364
Lợi nhuận năm này	-	-	-	-	-	-	33.134.386.826	33.134.386.826
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(14.793.400.000)	(14.793.400.000)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	982.720.000	491.360.000	(2.564.657.690)	(1.090.577.690)
Tăng/(Giảm) khác (**)	-	-	238.601.444	-	-	-	(11.777.116)	226.824.328
31/12/2010	324.533.600.000	24.836.524.364	-	(12.501.070.000)	1.209.778.494	604.889.247	24.556.656.449	363.240.378.554

Ghi chú:

(*) Trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 02/NQ-ĐHCD/2010 ngày 19/4/2010.

(**) Tăng khác: Hoàn nhập số chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng Nhà nước tại ngày 31/12/2009: 238.601.444 đồng; Giảm khác: khoản lãi từ Công ty liên kết đã ghi nhận kết quả năm 2009 do thoái vốn: 11.777.116 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	486.242.972.973	229.688.040.494
- Doanh thu bán hàng	421.779.100.777	223.441.560.656
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.463.872.196	6.246.479.838
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	8.487.000
- Hàng bán bị trả lại	-	8.487.000
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	486.242.972.973	229.679.553.494

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	404.555.757.040	213.766.662.712
	404.555.757.040	213.766.662.712

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.615.214.550	2.652.290.315
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	49.062.937.128	15.514.121.557
Cổ tức lợi nhuận được chia	2.017.528.000	1.529.418.460
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	419.146.246	229.882.767
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.690.945.862	537.801.301
	63.805.771.786	20.463.514.400

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.786.999.524	3.518.233.647
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn	52.826.019.033	4.956.189.434
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.287.599.841	1.316.977.551
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu	(618.689.663)	1.898.038.667
Chi phí tài chính khác	4.978.275.322	3.083.569.448
	70.260.204.057	14.773.008.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí bán hàng nhân viên	2.114.156.584	1.141.658.122
Chi phí vật liệu, bao bì	209.454.531	40.106.719
Chi phí khấu hao TSCĐ	88.612.798	168.894.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.541.551.720	1.394.805.646
Chi phí bằng tiền khác	15.859.326.433	105.196.250
	24.813.102.066	2.850.661.685

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.948.930.282	2.132.188.351
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	647.968.960	623.530.137
Chi phí khấu hao TSCĐ	662.343.207	276.447.292
Chi phí thuế, phí, lệ phí	991.643.383	856.367.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.293.861.963	1.452.698.831
Chi phí bằng tiền khác	462.031.593	470.642.440
	7.006.779.388	5.811.874.073

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.647.470.159	12.952.637.793
Các khoản điều chỉnh khối thu nhập chịu thuế	68.504.480	1.541.195.576
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.810.738.000	1.529.418.460
- Lãi trong công ty liên kết	-	11.777.116
- Lỗ Công ty con	(1.742.233.520)	-
Điều chỉnh giảm chi phí tính thuế	215.601.175	130.414.988
- Phạt hành chính	18.538.801	-
- Chi phí lãi vay vượt mức 1,5 lần lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà Nước quy định	197.062.374	130.414.988
Tổng thu nhập chịu thuế	43.794.566.854	11.541.857.205
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25%	10.948.641.713	2.885.464.301
Chi phí thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008	-	865.639.290
Chi phí thuế TN doanh nghiệp hiện hành	10.948.641.713	2.019.825.011
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(435.558.380)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.513.083.333	2.019.825.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**24.1 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH**

	Năm 2010	Năm 2009
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	8.702.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	23.751.360	702.000
Cổ phiếu phổ thông đã mua lại trong năm	(810.000)	-
Cổ phiếu phổ thông cuối năm	31.643.360	8.702.000
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	16.553.977	8.475.052

24.2 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.134.386.826	10.932.812.782
Số bình quân gia quyền của CP đang lưu hành	16.553.977	8.475.052
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.002	1.290

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**SỐ LIỆU SO SÁNH**

Phân loại số đầu năm

Trong năm 2010, Công ty áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2009. Do đó, số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại ngày 01/01/2010 được phân loại lại. Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi Mã số 431 tại ngày 01/01/2010 giảm đi số tiền 103.464.433 đồng, số dư Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành Mã số 323 tại ngày 01/01/2010 tăng lên số tiền tương ứng.

Ngoài số liệu đầu năm được phân loại nêu trên, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty đã được kiểm toán.

Đinh Hồng Long**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2011

Nguyễn Thị Hải Yến**Kế toán trưởng**